

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

ĐVT: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A/= TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		183.571.535.584	179.372.516.088
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		10.778.974.522	9.586.050.703
1. Tiền	111	V.01	10.778.974.522	9.586.050.703
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		45.218.995.286	56.305.129.086
1. Phải thu khách hàng	131		33.513.705.464	44.800.509.110
2. Trả trước cho người bán	132		11.961.284.656	11.433.640.519
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	450.906.806	582.103.947
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(706.901.640)	(511.124.490)
IV. Hàng tồn kho	140		125.578.899.695	110.820.752.841
1. Hàng tồn kho	141	V.04	125.578.899.695	111.411.846.503
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(591.093.662)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.994.666.081	2.660.583.458
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.070.848.930	799.644.240
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.520.720	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	718.232.476	837.509.847
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		203.063.955	1.023.429.371
B/= TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		48.151.952.163	52.819.980.995
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		45.330.569.476	49.290.185.255
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	32.275.059.076	36.155.633.239
- Nguyên giá	222		62.904.528.609	67.201.011.510
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30.629.469.533)	(31.045.378.271)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	12.035.341.800	12.114.383.416
- Nguyên giá	228		12.443.516.280	12.443.516.280
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(408.174.480)	(329.132.864)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	1.020.168.600	1.020.168.600
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Lợi thế thương mại			2.207.736.665	2.727.103.433
VI. Tài sản dài hạn khác	260		613.646.022	802.692.307
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	91.071.361	80.117.646
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	110.324.661	110.324.661
3. Tài sản dài hạn khác	268		412.250.000	612.250.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		231.723.487.747	232.192.497.083



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 235/18 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 3.8983416 - 3.5120026 - Fax: 3.5120025 - 3.8980054 - Email: haxaco@hcm.vnn.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2013

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A/= NỢ PHẢI TRẢ (300=310+320)	300		145.884.325.305	146.644.109.103
I. Nợ ngắn hạn	310		144.684.325.305	145.225.449.103
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	94.161.428.244	80.295.594.772
2. Phải trả người bán	312		32.080.263.876	54.403.542.490
3. Người mua trả tiền trước	313		12.909.192.080	5.782.104.797
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	2.029.601.675	1.682.859.848
5. Phải trả người lao động	315		1.287.439.235	287.459.725
6. Chi phí phải trả	316	V.17	871.360.541	1.579.114.188
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	1.330.505.402	1.180.239.031
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		14.534.252	14.534.252
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.200.000.000	1.418.660.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	1.200.000.000	1.418.660.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B/= VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		83.853.449.642	82.527.091.022
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	83.853.449.642	82.527.091.022
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		111.161.690.000	111.161.690.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		635.620.600	635.620.600
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.092.211.052	1.092.211.052
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.264.052.880	3.264.052.880
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(32.300.124.890)	(33.626.483.510)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432	V.23	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C/= LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		1.985.712.800	3.021.296.958
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430=300+400)	440		231.723.487.747	232.192.497.083

Người lập biểu



PHẠM HỒNG NGỌC

Giám Đốc Tài Chính



CHU THỊ NGỌC HUYỀN

Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 01 tháng 2 năm 2014



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 235/18 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 3.8983416 - 3.5120026 - Fax: 3.5120025 - 3.8980054 - Email: haxaco@hcm.vnn.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý 4 Năm 2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	268.452.809.117	175.573.806.634	687.141.784.621	642.913.030.888
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		62.160.699	17.382.000	299.748.482	1.559.855.416
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		268.390.648.418	175.556.424.634	686.842.036.139	641.353.175.472
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	259.501.051.137	164.968.153.338	658.896.901.033	621.498.207.974
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		8.889.597.281	10.588.271.296	27.945.135.106	19.854.967.498
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	8.354.905	40.889.388	64.265.241	840.997.804
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	1.838.372.471	3.767.691.940	7.954.563.669	14.935.414.248
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.620.688.198	2.335.019.339	7.730.165.618	14.313.565.998
8. Chi phí bán hàng	24		6.018.317.660	5.607.121.667	19.683.164.899	23.724.033.909
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.427.379.902	1.857.009.002	9.835.340.445	10.426.149.709
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)(24+25)]	30		(1.386.117.847)	(602.661.925)	(9.463.668.666)	(28.389.632.564)
11. Thu nhập khác	31		7.305.231.509	6.064.161.913	23.596.744.672	17.505.441.646
12. Chi phí khác	32		5.082.633.021	5.054.695.719	12.806.717.386	12.933.301.957
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2.222.598.488	1.009.466.194	10.790.027.286	4.572.139.689
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		836.480.641	406.804.269	1.326.358.620	(23.817.492.875)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	0	-	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		836.480.641	406.804.269	1.326.358.620	(23.817.492.875)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số			(165.305.873)	(296.133.604)	(1.035.695.540)	(1.298.973.795)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ			1.001.786.514	702.937.873	2.362.054.160	(22.518.519.080)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					

Người lập biểu

PHẠM HỒNG NGỌC

Giám Đốc Tài Chính

CHU THỊ NGỌC HUYỀN

Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 11 tháng 2 năm 2014

Tổng Giám Đốc



ĐỖ TIẾN DŨNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)***QUÝ 4 NĂM 2013**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	LƯU KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY	
			Năm nay	Năm trước
I/= LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			-	
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.326.358.620	(23.817.492.875)
2. Điều chỉnh cho các khoản			-	-
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11,12	11.015.554.553	9.434.378.865
- Các khoản dự phòng	03	V.3	(395.316.512)	(358.366.908)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.044.143.572)	2.076.820.943
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	7.251.829.287	14.313.565.998
3 Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi của vốn lưu động	08		18.154.282.376	1.648.906.023
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		14.299.777.206	12.734.958.130
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(14.758.146.854)	51.497.270.624
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(15.917.516.453)	(71.628.717.060)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(375.950.574)	976.519.129
- Tiền lãi vay đã trả	13		(6.541.953.031)	(13.879.418.583)
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		58.820.269	256.738.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(2.534.533.320)	(67.781.918)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(7.615.220.381)	(18.461.525.655)
II/= LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			-	-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(13.677.553.234)	(7.075.293.109)
2. Tiền thu từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	V.7	12.657.500.455	8.127.891.728
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.020.052.779)	1.052.598.619
III/= LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			-	-
1. Thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Trả vốn cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của DN đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.17	372.290.502.415	334.853.952.370
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.17	(362.462.305.436)	(320.248.650.930)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.26	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		9.828.196.979	14.605.301.440
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		1.192.923.819	(2.803.625.596)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	9.586.050.703	12.389.676.298
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi tiền tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	10.778.974.522	9.586.050.702

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 2 năm 2014

Người lập biểu

Giám Đốc Tài Chính

PHẠM HỒNG NGỌC

CHU THỊ NGỌC HUYỀN



ĐỖ TIẾN DŨNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2013

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh cho Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh, Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ và Công ty TNHH MTV Cơ khí Ô tô Cần Thơ (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty Cổ phần.
2. Lĩnh vực kinh doanh : Dịch vụ.
3. Ngành nghề kinh doanh : Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành các loại ô tô; Đại lý mua bán ô tô và phụ tùng các loại; Mua bán và cho thuê ô tô, mua bán phụ tùng, máy móc, thiết bị chuyên ngành ô tô; Thiết kế, cải tạo phương tiện xe cơ giới đường bộ; Dịch vụ cứu hộ xe ô tô.

4. Tổng số các Công ty con : 2

5. Chi tiết Công ty con được hợp nhất

Tên Công ty	: Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ
Địa chỉ	: 102 Cách Mạng Tháng Tám, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.
Tỷ lệ lợi ích	: 72,62 %
Quyền biểu quyết	: 72,62 %

Tên Công ty	: Công ty TNHH MTV Cơ khí Ô tô Cần Thơ
Địa chỉ	: 274, 30/4, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.
Tỷ lệ lợi ích	: 72,62 %
Quyền biểu quyết	: 72,62 %

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của các Công ty trong cùng Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

10 (235/18) Điện Biên Phủ, P.15, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 3.8983416 – 3.5120026 – Fax: 3.5120025 – 3.8980054 – Email: haxaco@hcm.vnn.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2013

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các Công ty trong cùng Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Cơ sở hợp nhất

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con sẽ được đưa vào Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát Công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của Công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá trị hàng tồn kho được tính theo:

- Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh: phương pháp thực tế đích danh.
- Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ: phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

10 (235/18) Điện Biên Phủ, P.15, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 3.8983416 – 3.5120026 – Fax: 3.5120025 – 3.8980054 – Email: haxaco@hcm.vnn.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2013

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25
Máy móc và thiết bị	5 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10
Tài sản cố định khác	3 – 15

7. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này không xác định thời hạn nên không được tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 4 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa thể hiện khoản chi phí thực tế Công ty chi ra để sửa chữa lớn tài sản. Chi phí sửa chữa được phân bổ không quá 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

10 (235/18) Điện Biên Phủ, P.15, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 3.8983416 – 3.5120026 – Fax: 3.5120025 – 3.8980054 – Email: haxaco@hcm.vnn.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2013

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

12. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là $\frac{1}{2}$ tháng lương (đối với Công ty mẹ) và 3% quỹ lương (đối với Công ty con) làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông tại công ty mẹ.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ riêng của từng Công ty.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các Công ty trong cùng Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

10 (235/18) Điện Biên Phủ, P.15, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 3.8983416 – 3.5120026 – Fax: 3.5120025 – 3.8980054 – Email: haxaco@hcm.vnn.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2013

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày:

31/12/2013 : 21.125 VND/USD

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 235/18 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 3.8983416 - 3.5120026 - Fax: 3.5120025 - 3.8980054 - Email: haxaco@hcm.vnn.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2013

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền :

Chỉ tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Tiền mặt	5.311.879.779	1.022.384.864
Tiền gửi ngân hàng	5.467.094.743	8.563.665.839
Cộng	10.778.974.522	9.586.050.703

2. Phải thu khách hàng:

Phải thu tiền bán xe và sửa chữa xe ô tô

3. Trả trước cho người bán:

Chỉ tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Nhà cung cấp trong nước	11.961.284.656	11.433.640.519
Nhà cung cấp nước ngoài	-	-
Cộng	11.961.284.656	11.433.640.519

4. Các khoản phải thu khác :

Chỉ tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Phải thu tiền chiết khấu của Cty TNHH LD SX Ô Tô Ngôi Sao	-	125.782.000
Khoản phải thu khác	450.906.806	456.321.947
Cộng	450.906.806	582.103.947

5. Hàng tồn kho :

Chỉ tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	20.708.021.155	17.226.192.002
Hàng hóa	104.870.878.540	93.594.560.839
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(591.093.662)
Cộng	125.578.899.695	110.820.752.841

6. Chi phí trả trước ngắn hạn:

Chỉ tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	199.151.462	297.181.783
Công cụ, dụng cụ	204.069.132	83.577.232
Chi phí khác	667.628.336	418.885.225
Cộng	1.070.848.930	799.644.240

7. Tài sản ngắn hạn khác:

Chỉ tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Tạm ứng	201.201.930	1.021.593.139
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.862.025	1.836.232
Cộng	203.063.955	1.023.429.371

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá đầu quý	33.341.409.337	13.365.585.103	17.533.943.690	2.631.651.464	328.421.916	67.201.011.510
Mua sắm mới	542.817.455	38.500.000	15.316.803.645	-	-	15.898.121.100
Thanh lý, nhượng bán	(906.197.279)	(584.791.932)	(17.816.056.222)	(887.558.568)		(20.194.604.001)
Chuyển sang góp vốn						-
Số cuối quý	32.978.029.513	12.819.293.171	15.034.691.113	3.519.210.032	328.421.916	62.904.528.609
Giá trị hao mòn đầu quý	17.353.914.795	6.223.173.044	4.744.764.708	2.437.482.100	286.043.624	31.045.378.271
Khấu hao	2.844.118.000	2.066.283.604	5.909.946.532	44.618.182	71.546.619	10.936.512.937
Thanh lý, nhượng bán	(1.007.328.685)	(420.669.020)	(9.053.596.640)	(864.454.096)	(6.373.234)	(11.352.421.675)
Số cuối quý	19.190.704.110	7.868.787.628	1.601.114.600	1.617.646.186	351.217.009	30.629.469.533
Giá trị còn lại đầu quý	15.987.494.542	7.142.412.059	12.789.178.982	194.169.364	42.378.292	36.155.633.239
Số cuối quý	13.787.325.403	4.950.505.543	13.433.576.513	1.901.563.846	(22.795.093)	32.275.059.076

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 235/18 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 3.8983416 - 3.5120026 - Fax: 3.5120025 - 3.8980054 - Email: haxaco@hcm.vnn.vn**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2013****9. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình:**

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giá trị hao mòn	Số cuối quý
Quyền sử dụng đất	11.646.416.800			11.646.416.800
Phần mềm quản lý	327.433.384	-	(61.491.616)	388.925.000
Cộng	11.973.850.184	-		12.035.341.800

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Chỉ tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Mua sắm TSCĐ cơ bản dở dang	1.020.168.600	1.020.168.600
Cộng	1.020.168.600	1.020.168.600

11. Chi phí trả trước dài hạn

Chỉ tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	91.071.361	80.117.646
Cộng	91.071.361	80.117.646

12. Tài sản dài hạn khác, ký quỹ, ký cược dài hạn:

Chỉ tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Ký quỹ, ký cược dài hạn	412.250.000	612.250.000
Cộng	412.250.000	612.250.000

13. Vay và nợ ngắn hạn

Chỉ tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Vay ngắn hạn Ngân hàng	89.161.428.244	78.955.554.773
Vay ngắn hạn khác bằng phát hành kỳ phiếu nội bộ	5.000.000.000	615.000.000
Vay ngắn hạn tổ chức khác	-	725.040.000
Cộng	94.161.428.244	80.295.594.773

*Khoản vay Ngân Hàng dùng để kinh doanh mua bán xe ô tô, khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố hàng hóa là xe ô tô.

14. Phải trả người bán:

Phải trả nhà cung cấp trong nước tiền hàng hóa, dịch vụ.

15. Người mua trả tiền trước:

Khách hàng ứng trước tiền mua xe.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước :

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối quý
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.542.739.222	1.882.325.018	(1.903.316.167)	1.521.748.073
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(17.758.055)	-	-	(17.758.055)
Thuế thu nhập cá nhân	80.137.304	663.814.604	(648.141.630)	95.810.278
Tiền thuê đất		743.583.722	(331.540.398)	412.043.324
Các khoản phải nộp khác	(767.608.624)	7.000.000	(7.000.000)	(767.608.624)
Cộng	837.509.847	3.296.723.344	(2.889.998.195)	2.029.601.675

17. Phải trả người lao động:

Lương còn phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 235/18 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 3.8983416 - 3.5120026 - Fax: 3.5120025 - 3.8980054 - Email: haxaco@hcm.vnn.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2013

18. Chi phí phải trả

Chỉ tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	112.500.000	46.608.917
Chi phí lãi kỳ phiếu	-	-
Chi phí lãi trả chậm MBV	40.830.280	502.205.611
Chi phí thuê phần mềm MBV	82.131.050	88.931.931
Hoa Hồng môi giới	-	345.452.644
Chi phí khác	635.899.211	595.915.085
Cộng	871.360.541	1.579.114.188

19. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác:

Chỉ tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn	395.862.910	317.161.989
Nhận ký quỹ ngắn hạn	250.000.000	250.000.000
Tiền thuê kho phải trả Samco	383.000.000	383.000.000
Vật tư thừa	12.640.835	12.640.835
Chi trả cổ tức năm 2009	86.875.200	86.875.200
Các khoản phải trả khác	202.126.457	130.561.007
Cộng	1.330.505.402	1.180.239.031

20. Vốn chủ sở hữu:

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm	111.161.690.000	635.620.600	1.092.211.052	3.264.052.880	(33.626.483.510)	82.527.091.022
Phân phối các quỹ trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	1.326.358.620	1.326.358.620
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Chi trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Chi thường	-	-	-	-	-	-
Vốn tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối quý	111.161.690.000	635.620.600	1.092.211.052	3.264.052.880	(32.300.124.890)	83.853.449.642

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu (Công ty mẹ)

Chỉ tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà Nước	36.274.314.877	36.274.314.877
Vốn góp của các cổ đông khác	74.887.375.123	74.887.375.123
Thặng dư vốn cổ phần	635.620.600	635.620.600
Cộng	111.797.310.600	111.797.310.600

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu (Công ty con)

Chỉ tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Vốn góp của Công ty Mẹ	16.117.900.000	16.117.900.000
Vốn góp của Cổ đông khác	6.076.050.000	6.076.050.000
Cộng	22.193.950.000	22.193.950.000

Cổ phiếu (đang lưu hành với mệnh giá 10.000VNĐ/CP).

Chỉ tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.116.169	11.116.169
- Cổ phiếu phổ thông	11.116.169	11.116.169
- Cổ phiếu phổ thông (chưa chính thức được giao dịch)	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 235/18 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 3.8983416 - 3.5120026 - Fax: 3.5120025 - 3.8980054 - Email: haxaco@hcm.vnn.vn**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2013****Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính**

- * Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn kinh doanh của Tập đoàn.
- * Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:
 - Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
 - Bù đắp khoản lỗ của Tập đoàn theo quyết định của Hội đồng quản trị.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu :	268.452.809.117	175.573.806.634
- Doanh thu bán xe ô tô	240.462.869.661	150.475.280.336
- Doanh thu sửa chữa, bán phụ tùng	27.931.633.743	25.074.630.215
- Doanh thu khác	58.305.713	23.896.083
Các khoản giảm trừ doanh thu	62.160.699	17.382.000
- Hàng bán bị trả lại	62.160.699	17.382.000
Doanh thu thuần	268.390.648.418	175.556.424.634

2. Giá vốn hàng bán:

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Tổng giá vốn :	259.501.051.137	164.968.153.338
- Giá vốn bán xe ô tô	234.042.788.712	143.950.395.948
- Giá vốn sửa chữa, bán phụ tùng	25.436.896.691	21.006.426.472
- Giá vốn khác	21.365.734	11.330.918

3. Doanh thu hoạt động tài chính :

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi	8.354.905	28.787.485
- Lãi cho vay vốn	-	-
- Lãi phạt quá hạn thanh toán	-	-
- Doanh thu tài chính khác	-	12.101.903
Cộng	8.354.905	40.889.388

4. Chi phí tài chính:

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Trả lãi tiền vay	1.620.688.198	2.335.019.339
- Dự phòng đầu tư vào công ty con	-	-
- Chi phí tài chính khác	217.684.273	1.432.672.601
Cộng	1.838.372.471	3.767.691.940

5. Chi phí bán hàng:

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên	1.862.807.523	1.174.963.429
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	614.903.160	507.907.187
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.057.795.171	1.215.176.608
- Chi phí ngân hàng (TK6415)	46.596.630	29.174.698
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.408.488.905	798.008.136
- Chi phí khác	1.027.726.271	1.881.891.609
Cộng	6.018.317.660	5.607.121.667

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 235/18 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 3.8983416 - 3.5120026 - Fax: 3.5120025 - 3.8980054 - Email: haxaco@hcm.vnn.vn**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2013****6. Chi phí quản lý doanh nghiệp :**

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý (*)	1.169.739.002	968.845.487
- Chi phí VPP, vật liệu quản lý	72.982.137	39.149.947
- Chi phí khấu hao TSCĐ	186.729.091	129.801.795
- Thuế, phí và lệ phí	198.996.051	95.797.138
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.831.780	31.522.649
- Chi phí bằng tiền khác	749.937.456	591.891.986
Cộng	2.427.379.902	1.857.009.002

(*) Chi phí nhân viên quản lý Q4/2012 thấp do điều chỉnh giảm quỹ lương năm 2012 (Cty mẹ) là: 911.660,565 đ

7. Thu nhập khác:

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	4.600.000.000	4.281.818.183
- Thu nhập từ các khoản khác	2.705.231.509	1.782.343.730
Cộng	7.305.231.509	6.064.161.913

8. Chi phí khác:

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thanh lý TSCĐ	5.062.911.532	4.828.093.781
- Chi phí khác	19.721.489	226.601.938
- Phạt chậm nộp thuế	-	-
Cộng	5.082.633.021	5.054.695.719

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thu nhập của Thành viên Ban Tổng Giám Đốc:**

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Tiền lương	405.000.000	349.488.718
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	14.139.090	11.590.425
Cộng	419.139.090	361.079.143

Về chính sách kế toán, hiện tại công ty vẫn áp dụng các chuẩn kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ - BTC ngày 15/02/2005, Quyết định số 100/2005/QĐ - BTC ngày 28/12/2005 của Bộ trưởng Bộ tài chính và đã được Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện tại Thông tư số 20/2006/TT - BTC ngày 20/03/2006, Thông tư số 21/2006/TT - BTC ngày 20/03/2006 như sau :

- VAS 11 Hợp nhất kinh doanh.
- VAS 17 Thuế thu nhập doanh nghiệp.
- VAS 18 Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng.
- VAS 23 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm.
- VAS 27 Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- VAS 28 Báo cáo bộ phận.
- VAS 29 Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót.
- VAS 30 Lãi trên cổ phiếu.

Ngoài ra, công ty vẫn áp dụng theo Chế độ kế toán doanh nghiệp mới ban hành theo Quyết định số 15/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ban hành ngày 31/12/09 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề: đơn vị tiền tệ trong kế toán; hướng dẫn thực hiện chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phương pháp kế toán cho một số nghiệp vụ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 235/18 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 3.8983416 - 3.5120026 - Fax: 3.5120025 - 3.8980054 - Email: haxaco@hcm.vnn.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2013

Trong thời gian thực hiện các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới này không ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính quý này và các quý trước của Công ty.

2. Một số thuyết minh khác:

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế của Quý 4/2013 tăng 206% so với Quý 4/2012 và tăng 150% so với Quý 3/2013 do các nguyên nhân sau:

* Doanh số bán hàng Quý 4/2013 tăng 153%, chi phí tài chính giảm 51% so với Quý 4/2012.

* Doanh số bán hàng Quý 4/2013 tăng 140% so với Quý 3/2013.

* Nhận được khoản chiết khấu từ nhà cung cấp.

Người lập

PHẠM HỒNG NGỌC

Kế toán trưởng

CHU THỊ NGỌC HUYỀN

TP.HCM, Ngày 1 tháng 02 năm 2014
Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ Ô TÔ
HÀNG XANH
ĐỖ TIẾN DŨNG